

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ GIA ĐÌNH CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI TÂY NGUYÊN

NGUYỄN DUY THIỆU

Để khai thác Tây Nguyên, nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống của cư dân địa phương góp phần xây dựng đất nước và đi vào thị trường thế giới, từ ngày giải phóng (1975) đến nay, nhà nước đã có nhiều chính sách cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội ở vùng này. Cùng với việc phân bổ lại cư dân và lao động trong cả nước, một bộ phận lớn cư dân ở vùng đồng bằng đã được đưa tới Tây Nguyên để khai hoang kinh tế. Đồng thời cũng đã tiến hành các biện pháp giãn dân trong các làng buôn, giải thể nhà dài, tách hộ lập gia đình hạt nhân, tổ chức lại đời sống gia đình trong các làng buôn mới quy hoạch. Vận động đồng bào bỏ dần các tập tục lạc hậu, dần dần loại bỏ khỏi đời sống của đồng bào nếp sống tự quản trong cái công xã nông thôn được vận hành theo tinh thần của tập quán pháp - trong tập thể già làng vừa là hội đồng tư pháp vừa là tòa án - từng bước thay thế chúng bởi luật pháp chung hiện hành...

Tuy nhiên thực tế của sự phát triển từ 1975 đến nay đã chỉ ra rằng hiện nay ở Tây Nguyên vấn đề khó khăn nhất đối với chính quyền địa phương là việc làm như thế nào đã đưa được các cư dân bản địa tham gia vào nhịp sống hiện đại.

Để giải quyết được vấn đề cơ bản vừa nêu về mặt xã hội, một vấn đề có tính chất mấu chốt là cần phải hiểu đúng và có quyết sách phù hợp, đó là *vấn đề gia đình* ⁽¹⁾. Vấn đề này cho tới nay chưa được nghiên cứu đầy đủ, do đó một số quyết sách đa dạng ⁽²⁾ được đồng bào tiếp nhận một cách không tự nguyện và gây nên những cuộc tranh luận trong giới học thuật.

Vấn đề đang bàn, theo một số tài liệu Dân tộc học, đã công bố, kết hợp với nguồn tài liệu điền dã Dân tộc học - Xã hội học của chúng tôi trong nhiều năm công tác ở Tây Nguyên, có thể nói một cách tóm lược rằng, quan hệ hôn nhân và gia đình của các tộc người cư trú ở địa bàn này, song song tồn tại cả ba thiết chế: *thiết chế mẫu hệ (marl- linat) thiết chế song hệ (bilineat)* hoặc nói theo thuật ngữ thân tộc: *hệ thống không phân hóa (bilateral descent)* và *thiết chế phụ quyền (patriarchate)*. Thiết chế phụ quyền điển hình ở người Cà tu, người Tà ôi, cư trú ở vùng Trường Sơn thuộc phía Tây Bình Trị Thiên. Thiết chế song hệ tồn tại phổ biến ở các cư dân nói ngôn ngữ Môn - khơ - me phân bố rải rác ở cả Tây Nguyên. Có thể coi thiết chế này điển hình ở người Ba-na, người Xê-đăng. Còn thiết chế mẫu hệ - *nền chính của quan hệ gia đình ở Tây Nguyên*, phổ biến ở các cư dân nói ngôn ngữ Nam đảo, điển hình ở người K'ho, người Êđê...

¹ Bởi lẽ, cho tới thời kỳ gần đây, về tổ chức xã hội của các tộc người ở Tây Nguyên chỉ có hai hình thức cơ bản: *tổ chức gia đình và cơ cấu công xã (làng buôn)* cho tới nay chưa ai tìm thấy diện mạo một loại tổ chức nào trên công xã.

² Như đã nói đó là cái quyết sách: giải thể nhà dài, tách hộ, lập gia đình hạt nhân...

Trong phạm vi vấn đề gia đình của các tộc người ở Tây Nguyên, nổi bật lên đặc điểm: *tồn tại một cách phổ biến loại hình nhà dài và đi liền với nó là chế độ gia đình lớn*. Và nội dung bài viết này, chúng tôi cũng chỉ đề cập đến đặc điểm này mà thôi.

*

* *

Vào đầu thế kỷ XX, Henri Mailre, một sĩ quan người Pháp, còn bắt gặp ở Đắc Lắc, ngôi nhà của một người Êđê, tên là Ama Hao, dài tới 215 mét, và ngôi nhà của một người khác tên là Ama Oan dài 185 mét. Đến cuối thế kỷ thứ XX, tình trạng nhà dài ở Tây Nguyên vẫn khá phổ biến. Theo số liệu thống kê ở tỉnh Đắc Lắc, vào năm 1980 tại xã Chun đăng vẫn còn tồn tại 52 ngôi nhà dài, nhà dài nhất trên 100m. Tại xã Chur cấp vẫn còn tồn tại 35 ngôi nhà dài, nhà của Y nê en Epan có 115 khẩu. Ngay ở thị xã Buôn Ma Thuột, thời gian trên vẫn còn tồn tại nhà dài, ví dụ nhà của Ama Lêêng có 25 thành viên được phân chia trong 4 bếp...

Bản thân tên gọi “nhà dài” đã nói lên những ngôi nhà này thường là dài, đôi lúc rất dài về kích thước. Đây cũng là một vấn đề lý thú về phương diện kiến trúc, tuy nhiên, nội dung bài viết này chỉ đề cập đến nhà dài dưới góc độ xã hội mà thôi.

1. Về quan hệ gia đình thuộc thiết chế song hệ.

Như đã nói, thiết chế phụ quyền điển hình, phân bố ở ngoài khu vực Tây Nguyên, tại vùng núi rừng Trường Sơn ở phía tây Nghĩa Bình và Bình Trị Thiên, do đó chúng tôi không đề cập đến hệ thống này. Ở khu vực Tây Nguyên phổ biến hai thiết chế: thiết chế mẫu hệ và thiết chế song hệ hoặc là hệ thống không phân hóa.. Hệ thống không phân hóa điều chỉnh ở người Ba-na, người Xơ-đăng thuộc bắc Tây Nguyên. Rất lấy làm tiếc, hiện tại chúng tôi chỉ có trong tay tư liệu về hệ thống này ở người Xtiêng⁽¹⁾.

Để hiểu biết về quan hệ gia đình của người Xtiêng, trước hết xin nêu lên ví dụ.

Ví dụ: Nhà ông Lin-chủ nhà dài, gồm 3 bếp.

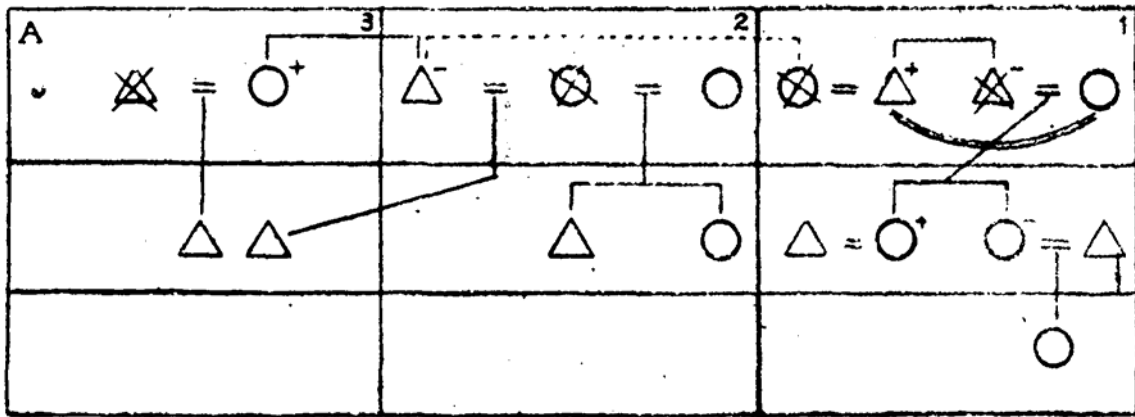
- Bếp 1: ông Lin và vợ sau của ông ta, bà này vốn là vợ của em trai ông Lin, theo tập tục hôn nhân anh em chồng nên đã thành vợ của ông Lin, từ khi người em trai của ông Lin chết; hai chị em chị Khôôt (con đời chồng trước của bà Lin) với chồng và con gái của chị Khôôt.

- Bếp 2: ông Nhên, vợ sau của ông ta, một trai, một con gái còn nhỏ của họ (ông Nhên có quan hệ bà con với vợ trước của ông Lin, chủ nhà dài).

- Bếp 3: Anh Ca rôông (con vợ trước đã chết của ông Nhên, chưa có vợ), chị gái (chết chồng) của ông Nhên với con trai của bà ta.

¹ Xtiêng là tộc người thuộc họ Môn Khơ me, cư trú chủ yếu ở Đông Bắc Campuchia và miền Đông Nam Bộ của Việt Nam. Tài liệu chúng tôi dẫn trong bài này là tài liệu điền dã về người Xtiêng ở huyện Phước Long tỉnh Sông Bé vào năm 1979. Xem thêm: Nguyễn Duy Thiệu - nhà dài Xtiêng. Tạp chí Dân tộc học số 3, năm 1981.

SƠ ĐỒ 1



- GHI CHÚ :
- \triangle : Ký hiệu dùng để chỉ người đàn ông
 - \triangle^+ : Chỉ người anh, \triangle^- chỉ người em, \triangle^* chỉ người em chú/hai...
 - \otimes : chỉ người đã chết.
 - \bigcirc : Ký hiệu dùng để chỉ người đàn bà (\bigcirc^+ , \bigcirc^- , \bigcirc^* , \bigcirc^* : như trên).
 - --- : Ký hiệu dùng để chỉ quan hệ sinh thành (bố, mẹ con cái... gọi là trực hệ).
 - --- : Ký hiệu dùng để chỉ quan hệ anh chị em ruột, (gọi là bàng hệ).
 - --- : Ký hiệu dùng để chỉ con nuôi.
 - --- : Ký hiệu dùng để chỉ quan hệ anh chị em nuôi, vợ anh chị em họ.
 - --- : Ký hiệu dùng để chỉ quan hệ vợ chồng.

Những ký hiệu trên đây chúng tôi dùng thống nhất cho tất cả các ví dụ.

Qua ví dụ trên, chúng ta thấy:

- Về phương diện kinh tế, ngừng bấp tách ra ở thí dụ trên (A_2 , A_3) đều trở thành những gia đình nhỏ độc lập với nhau. Còn bấp của chủ nhà dài (A_1) là một gia đình mở rộng.

- Về phương diện thân thuộc, tất cả những người ở trong nhà dài, cùng hợp thành một *yâu*. *Yâu* bao gồm tất cả những người theo quan hệ cư trú song phương, có nghĩa là trong đó bao gồm cả những người theo quan hệ cư trú phía cha hoặc chồng và cả những người theo quan hệ cư trú phía mẹ hoặc vợ. Ở đây ta gặp một trường hợp hôn nhân theo tập tục (nội nội), các nhà Dân tộc học thường gọi là hôn nhân anh em chồng, xa hơn, đây cũng có thể là tàn tích của chế độ hôn nhân thị tộc lưỡng hợp. Đó là trường hợp ông Lin đã lấy em dâu khi em trai của ông ta đã chết. Mặc dù không nằm trong phạm vi ví dụ vừa nêu, cũng tại Sóc Bô, Phước Long, Sông Bé, trong lần điền dã năm 1979, chúng tôi còn bắt gặp trường hợp anh Lênh lấy em của mẹ anh ta. Theo anh Lênh, trường hợp này bị tập quán pháp cấm đoán, nhưng nếu ai vi phạm thì tập quán pháp cũng cho phép nộp phạt để làm lễ cúng Yang⁽¹⁾, sau lễ cúng Yang trường hợp hôn nhân như vậy vẫn được coi là hợp pháp.

- Như đã nói, về phương diện kinh tế một nhà dài do nhiều bấp hợp thành, các bấp độc lập với nhau về mặt kinh tế, từng bấp có vùng rẫy riêng, công cụ sản xuất

¹ Yang: tiếng Xtiêng dùng để chỉ các vị thần.

riêng, tự làm lấy phần rẫy của mình và có toàn quyền sử dụng những sản phẩm do sức lao động của mình làm ra. Họ có tài sản riêng, bao gồm cả tư liệu sản xuất và đồ dùng hàng ngày. Chỉ khi một bếp nào đó trong nhà dài bị hoạn nạn vào giữa mùa rẫy thì tất cả các thành viên trong nhà dài, sau khi đã làm xong phần việc của mình, sẽ tập trung lại giúp đỡ bếp bị hoạn nạn. Hình thức giúp đỡ này, tiếng Xtiêng gọi là Tam út (¹).

Những điều vừa nêu nói lên rằng, các bếp đã trở thành những gia đình nhỏ thực sự. Tuy nhiên cái mà chúng ta gọi là *nhà dài* vẫn còn tồn tại được bởi các điều kiện vật chất cụ thể. Dù chỉ là trên hình thức, cả *Yâu* vẫn còn một số của cải chung đó là các thứ như *Tổ* (²), *Ché*, *Chiêng*, *Cồng* và có thể cả trâu bò... những thứ này do tổ tiên để lại. Đây là những tài sản được coi là quý giá, nhưng giá trị sử dụng rất hạn chế. Trâu bò để hiến tế trong các dịp lễ lễ chung của cả nhà dài. Chiêng, Cồng, Tổ, Ché chỉ dùng trong các dịp lễ lạt vui chơi. Nguồn tài sản này do chủ nhà dài trông coi. Khi con cái đã lớn của cải này có thể được chia đều cho các con, bố mẹ chỉ giữ lại một phần, phần này sẽ trở thành của cải chung của cả nhà dài. Khi chủ chết, tài sản này được chuyển lại cho con út. Nếu út là gái, khi đi lấy chồng (nếu về cư trú phía nhà chồng) thì số của cải đó được chuyển cho người trên cô ta quản lý. Trường hợp đem bán phải được cả nhà dài đồng ý, và tiền bán được chia đều cho các thành viên (trên thực tế trường hợp đem bán rất ít xảy ra).

Quyền điều hành những công việc chung của nhà dài thuộc về người đàn ông lớn tuổi nhất nhà. Giúp cho chủ nhà dài, đảm đương chức năng đối nội (dàn xếp những thắc mắc trong nhà, phân công công việc chung) và đối ngoại (giải quyết các vụ tranh chấp, giao tiếp xã hội...) là người hiểu biết nhất trong nhà. Người này được suy tôn tự nhiên, không tính theo quan hệ, cũng không do bầu bán.

Chủ nhà dài và người giúp việc ông ta đều không có đặc quyền đặc lợi gì về mặt kinh tế, mà chỉ được kính trọng về mặt tinh thần, và dĩ nhiên đối với những công việc cần nhất trí, thì tiếng nói của chủ nhà dài có tính chất quyết định. Vì là người am hiểu phong tục tập quán, chủ nhà dài và các tầng lớp khác trên ông ta, như tập thể già làng là lực lượng cố bảo lưu các giá trị truyền thống của tộc người. Cũng vì vậy họ bị coi là lực lượng bảo thủ trước sự tiến bộ của xã hội hiện nay.

2. Về quan hệ gia đình thuộc thiết chế mẫu hệ.

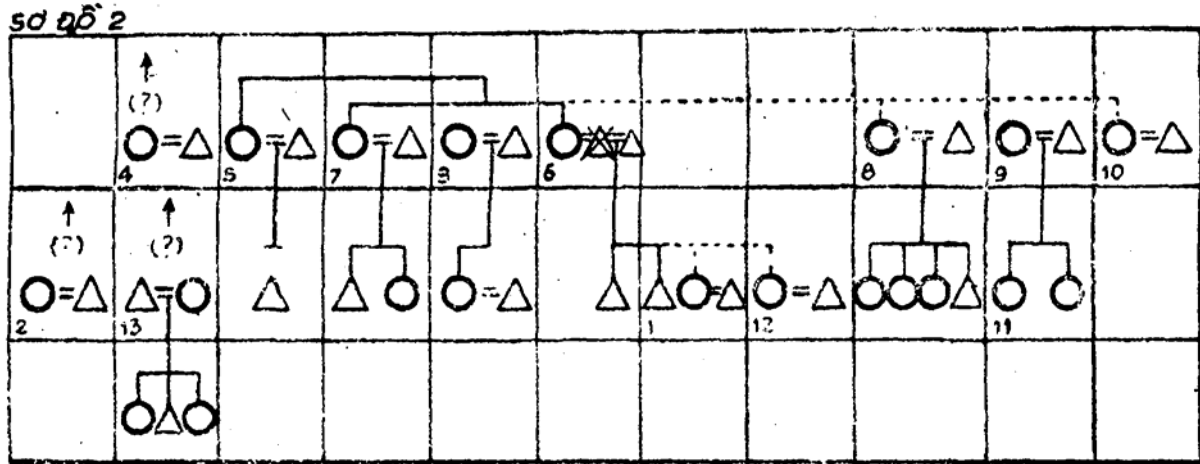
Thiết chế mẫu hệ - *nền chính của quan hệ gia đình ở Tây Nguyên* - được chúng tôi xem xét qua tư liệu cụ thể ở người Êđê.

Xin nêu một ví dụ, nhà của H'Ngêu ở Buôn Ma Thuật, gồm 13 bếp, 39 khẩu. Tài liệu này của Antomarchi, được P'Huard và A. Maurice công bố trong "Les M'ongs du plateau central Indochinoi" (³). Tài liệu này đã được nhà dân tộc học Nguyễn Hữu Thấu, kiểm tra lại trên thực địa vài sự chỉ dẫn của ông, chúng tôi dựng lại mối quan hệ trong ngôi nhà này bằng sơ đồ sau:

¹ Khác với hình thức *Tam rứt* là hình thức *Tam hanh*. Hình thức *Tam hanh* không phân biệt người được giúp có gặp hoạn nạn hay không, và những người đi giúp không chỉ thuần túy là các thành viên trong nhà dài. Khi công việc đã xong, người được giúp nhất thiết phải đãi cơm rượu người đến giúp.

² Tổ là một loại ché quý, rất đắt tiền.

³ B.I.E.H. Tập II. Hà Nội 1989.



Do tư liệu không hoàn chỉnh, cho nên chúng ta chưa thể hiểu một cách trọn vẹn mối quan hệ của tất cả các thành viên trong nhà dài với nhau. Tuy nhiên, trong chừng mực nhất định, tư liệu cũng đã làm rõ được những mối quan hệ chính yếu.

Chủ nhà dài (bếp số 6), có quan hệ ruột thịt với hai chị em gái khác, cùng một mẹ đẻ ra (bếp số 3 và bếp số 7).

- Chủ nhà dài có quan hệ chị em nuôi với ba bếp số 8, số 9 và số 10 (sẽ nói về quan hệ con nuôi và quan hệ chị em nuôi ở phần sau).

- Chủ bếp số 5 có quan hệ chị em với mẹ của chủ nhà dài (bếp số 6).

- Ngoài ba chị em nuôi, chủ nhà dài có hai đứa con nuôi (bếp số 1, bếp số 12) đều đã có gia đình.

- Có ba bếp chưa rõ quan hệ, đó là bếp số 2, số 4 và số 13.

- Có một trường hợp (bếp số 13), người vợ ở theo chồng (tập quán của người Êđê cho phép những gia đình hiếm con trai được cưới dâu cho con trai - sẽ nói ở phần sau).

- Trong ngôi nhà dài này, có ba thế hệ (tính theo dòng mẹ) cùng cư trú, và liên quan với các thành viên có nhiều mối quan hệ phức tạp, tư liệu chưa cụ thể để minh giải.

Cũng cần phải nói thêm, về các mối quan hệ phức tạp trong một ngôi nhà dài, như vừa trình bày không phải là một trường hợp cá biệt mà là một hiện tượng phổ biến ở các tộc người Tây Nguyên theo quan hệ mẫu hệ.

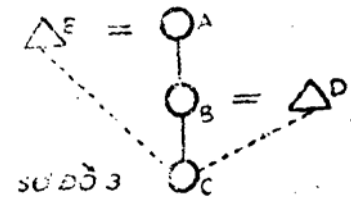
Về mặt kiến trúc, Ngôi nhà dài Êđê, được ngăn thành hai phần, một phần gọi là *Gah*, nghĩa như phòng khách, dành riêng để tiếp khách và cho khách ngủ (những trường hợp khách ngủ lại nhà dài).

Phần còn lại là *OK*, các thành viên sống trong *OK* ràng buộc nhau theo quan hệ *Gápdjuê*. Tạm giải thích: *Gápd* là từ để chỉ mối quan hệ giữa những người do hôn

nhân mà có (nói ngắn gọn là hôn thân). Còn Djuê là từ dùng để chỉ chỉ mối quan hệ giữa những người cùng huyết thống (nói ngắn gọn là huyết thân).

Quan hệ ấy có thể được biểu hiện bằng sơ đồ giản lược như sau: (sơ đồ 3)

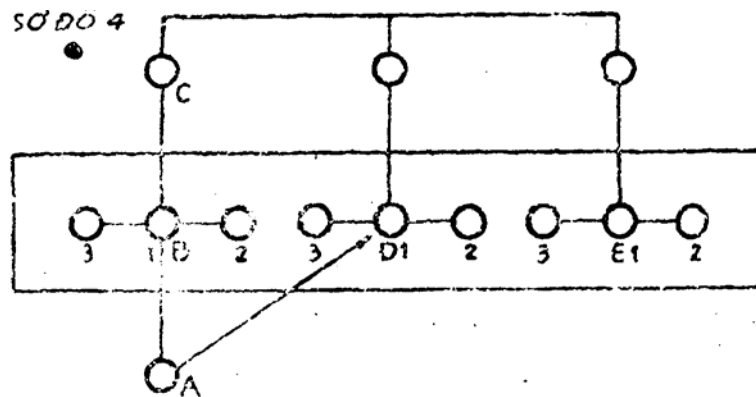
A đẻ ra B, B đẻ ra C, quan hệ của C với B và A là huyết thân, còn quan hệ của C với D (con gái với bố đẻ) và của C với E (cháu gái và ông nội) là hôn thân, trong quan niệm của người Êđê, cũng như các tộc người khác theo quan hệ mẫu hệ, quan hệ giữa A, B, C



là mối quan hệ khăng khít, còn quan hệ giữa C và D và giữa C với E là mối quan hệ không khăng khít. Ví dụ, trong trường hợp B chết, họ nhà B không còn người đàn bà nào để Juênuê (nói nời sẽ nói sau) với D, thì D trở về với chị em gái của mình, chứ không có ràng buộc gì với C (con đẻ) cả.

Ví dụ trên đây là một sơ đồ giản lược, còn trong thực tế, các mối quan hệ này được mở rộng hơn nhiều. Ví dụ C với tất cả chị em gái của C (các anh em trai của C, khi lấy vợ sẽ ở rể nhà khác) với tất cả chị em gái của mẹ C và với tất cả chị em gái của bà C đều là huyết thân. Tương tự quan hệ của C với rất cả những người chồng của chị em của mẹ của C; vì những người chồng của chị em và của bà của C đều là hôn thân.

Cũng cần nói thêm, theo tập quán của người Êđê, những thuật ngữ như bà, mẹ, con đều là những thuật ngữ chỉ cả một tập thể. Ví dụ: (xem sơ đồ 4)



Tôi là A thì tôi gọi tất cả: mẹ tôi (B), chị em gái của mẹ tôi (B₁, B₃) các chị em dì họ của tôi (i)₁, D₂, D₃, E₁, E₂, E₃...) đều là mẹ (Ami).

Nói quan hệ gia đình của người Êđê là quan hệ “mẫu hệ” không có nghĩa là tất cả các thành viên trong một ngôi nhà dài của người Êđê đều có quan hệ thân thuộc với nhau theo dòng mẹ. Ngoài đại bộ phận các thành viên ràng buộc với nhau bằng mối quan hệ này, còn có những thành viên khác được gia đình nhập vào nhà dài.

Như đã nói, trong ngôi nhà của H'Nhêu có một trường hợp con trai đưa vợ về nhà mình (bếp số 13). Những trường hợp như thế không phổ biến những không phải là hiếm trong người Êđê. Tập tục hệ thống mẫu hệ vẫn cho phép những gia đình hiếm con trai được cưới dâu về nhà mình.

Phổ biến hơn, trong gia đình của người Êđê, có nhiều trường hợp là con nuôi, hoặc là chị em nuôi. Theo tập quán của người Êđê, những người cùng bú một mẹ đều coi nhau như ruột thịt. Do đó người Êđê có tục, cho những đứa con khác mẹ bú chung và khi đã bú chung thì được coi là những người cùng huyết thống. Trong thí dụ trên H'Ngêu, chủ nhà dài ngoài ba chị em nuôi, còn có hai đứa con nuôi. Với họ, con nuôi được coi như con đẻ.

Ngoài các thành viên đã nói, trước đây trong những gia đình Êđê khá giả thường có nô lệ và tôi tớ, và quan hệ gia đình của họ rất rộng mở, nô lệ có thể được kết nạp để trở thành các thành viên huyết thống trong gia đình.

Về quan hệ kinh tế trong một ngôi nhà dài của người Êđê, tài liệu dân tộc học cho thấy ra ít trường hợp nhà dài còn là một đơn vị kinh tế thống nhất. Từ lâu, các bếp hợp thành nhà dài và là những đơn vị kinh tế độc lập với nhau. Một tiểu gia đình, tiếng Êđê gọi là *Goésêr*, nghĩa đen là một nồi cơm. Có nghĩa là tất cả những người cùng ăn chung một nồi cơm cũng là một *Goésêr*, tập hợp người này có thể là một cặp vợ chồng, cũng có thể bao gồm một cặp vợ chồng với các con, các cháu, bố mẹ, ông bà... nghĩa là một gia đình mở rộng.

Mỗi *Goésêr* có một tài sản riêng, bao gồm lợn, chó, nô lệ, trang phục, công cụ sản xuất, trâu, voi... Mỗi *Goésêr* tự tổ chức lấy cuộc sống của mình từ khâu sản xuất, cho đến việc chi dùng, sinh hoạt hàng ngày.

Đương nhiên cả nhà vẫn còn những tài sản chung. Tài sản chung là những thứ không thể chia được, ví như giường quý, ghế đất tiền, *Mdôchar* (một loại ghế dùng cho nhạc trưởng chỉ huy dàn nhạc), *Klor* (ghế đầu hình con voi quý, dành cho chủ nhà).

Ngoài những thứ trên đây, trong nhà còn có những tài sản để phô trương sự giàu có và quyền thế như *Trống cái*, *Chiêng* ⁽¹⁾ *Cồng* ⁽²⁾, *Chêknagan* (một thứ nhạc cụ giống như cái chũm chọe chỉ dùng trong các dịp lễ ăn từ 5 con trâu trở lên) ⁽³⁾.

Tài sản chung của cả nhà là những thứ rất quý giá, đất tiền, nhưng giá trị sử dụng rất hạn chế. Những tài sản này do nữ chủ nhà quản lý.

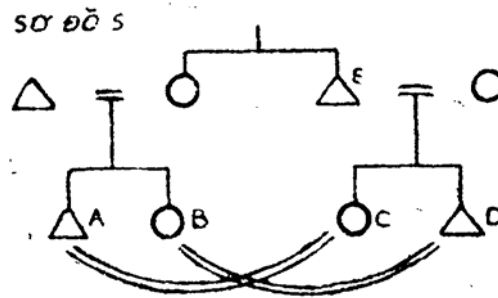
Theo tập quán của người Êđê, quyền sở hữu tài sản thuộc về đàn bà. Người con trai về nhà vợ được mang theo của hồi môn. Của hồi môn, chỉ là những thứ mang theo trên mình như khố, áo, chà gạt, nỏ, bát đĩa... Của hồi môn mà mỗi người mang theo khi về nhà vợ, được ghi chép lại một cách cẩn thận để sau này, trong trường hợp, người đàn ông chết trước, thì số của cải đó được phía nhà vợ trả lại cho chị em gái của anh ta. Còn những tài sản do anh ta làm ra trong thời gian ở rể tại nhà vợ, hoàn toàn thuộc về nhà vợ.

Trong phạm vi gia đình, phía nhà vợ, người đàn ông không có quyền hành gì, nhưng về phía nhà mình thì người đàn ông có trách nhiệm *bảo vệ giống nòi*. Anh ta phải lo hỏi chồng cho chị em gái của mình. Khi chị em gái đã có chồng thì tìm mọi cách không cho anh em rể làm cho dòng dõi mẹ mình bị tàn lụi. Trong nhiệm vụ này vai trò người cậu rất nặng nề.

¹, ² Chiêng và Cồng được phân biệt ở chỗ, Chiêng có núm, còn Cồng không có núm ở giữa.

³ Tài liệu do nhà Dân tộc học Nguyễn Hữu Thiệu cung cấp.

Trong quan hệ hôn nhân của người Êđê, hôn nhân ưu tiên dành cho con anh em trai với con chị em gái, nghĩa là ưu tiên cho con cô lấy con cậu. Có thể biểu hiện bằng sơ đồ sau: (xem sơ đồ 5).



Như trên sơ đồ, con trai tôi (tôi là đàn ông) lấy con của chị em gái của tôi, nhưng tôi có nhiệm vụ hạn chế không cho con trai tôi phá dòng của nhà tôi (dòng dõi được tính và phía chị em gái và mẹ). Quan hệ này thường dẫn đến sự xung đột giữa bố và con trai.

Tất cả các mối quan hệ phức tạp trên đây, đặc biệt là quan hệ kinh tế và đi liền với nó là nguyên tắc kế thừa tài sản, có lẽ có liên quan đến tập tục nối nôi. Trong trường ca *Đăm Săn*, khi Đăm Săn chết, nhà gái trả lại cho chị Đăm Săn của hồi môn và một phần của cái do Đăm Săn làm ra trong thời gian ở rể tại nhà vợ, phần này chỉ có ý nghĩa tượng trưng chứ không đáng là bao. Không muốn mất quyền kế thừa làm tù trưởng, dòng họ nữ, phía mẹ Đăm Săn, tìm một người đàn ông khác về làm chồng kế của vợ Đăm Săn. Tập quán của người Êđê cho phép hoặc là anh em trai của Đăm Săn hoặc là cháu trai của Đăm Săn sẽ làm chồng kế của vợ Đăm Săn.

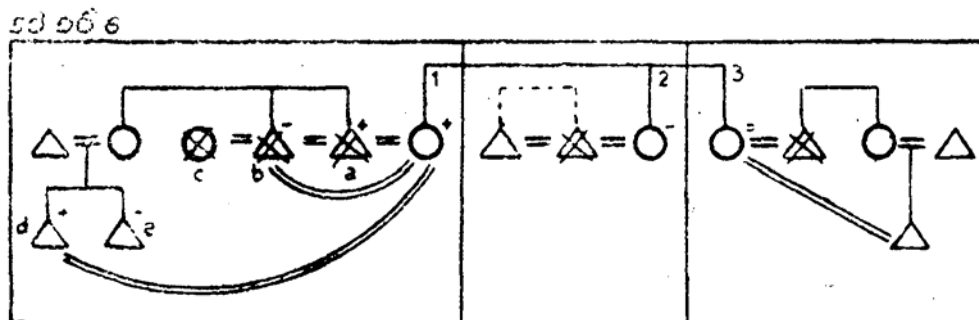
Khẩu ngữ của người Êđê nói:

“A miết djuê juê amuôl, Aduôn djuê juê amuôl”

(Dịch nghĩa: Cậu chết nối cháu vào, Bà chết nối cháu vào),

Trong thực tế hiện nay, hiện tượng ông và cháu có chung một vợ (ông đã già, vợ ông còn trẻ, ông mang cháu đến cùng ở, để khi ông chết thì cháu thay ông làm chồng bà) cũng như bà và cháu có chung một chồng (bà đã già, chồng bà còn trẻ, bà mang cháu đến cùng ở để khi bà chết thì cháu thay bà lấy ông) người Êđê cũng như người K'ho ở tây Bình Thuận không phải là hiếm.

Thí dụ, trong một *sang* ở Ea Hô, huyện Krông Buk, vào năm 1987 còn có 8 bếp trên 40 khẩu. Trong 8 bếp có ba trường hợp nối nôi, trong đó có hai trường hợp cậu và cháu lấy chung một vợ (xem sơ đồ 6).



Ba trường hợp nói nôi trong sơ đồ trên thị trường hợp số 1 là phức tạp nhất. Trường hợp này, chủ bếp, khi chồng (1a) chết thì lấy em chồng (1b), lúc đó vợ của em chồng đã chết. Khi chồng kế chết, chủ nhà lại lấy cháu ruột của chồng kế (1d). Khi chồng thứ ba (1d) chết, theo tập quán chủ nhà được lấy em chồng thứ 3 (1e). Vào thời gian này (1987) chủ nhà (l) đã trên 70 tuổi, mà em chồng thứ ba (1e) mới khoảng 7 tuổi, họ nhà chồng xin thôi *Juênué*. Để họ nhà vợ đồng ý, họ nhà chồng phải làm lễ, tương đương lễ cưới đầu tiên của họ nhà gái cưới chồng (cả nghi thức và phẩm vật) (1)

Theo nguyên tắc của hệ thống mẫu hệ, quyền kế thừa tài sản thuộc về phía nữ, nhưng bằng hình thức nói nôi, suy cho cùng, người đàn ông cũng được quyền kế thừa tài sản thông qua họ mẹ. Khi người chồng bị chết, anh em trai hoặc cháu của người chồng về thay thế làm chồng kế ngay, để thừa hưởng tài sản do chồng trước để lại. Trong trường ca Đăm Săn, khi cậu Đăm Săn chết, mẹ Đăm Săn nói với Đăm Săn: “con sẽ được ngồi rung đùi trên Klô (2) thay mặt cậu con làm tù trưởng. Còn về của cải thì con đừng lo, về đấy con sẽ được thừa hưởng mọi tài sản do cậu con và ông bà xưa để lại...”.

Trong xã hội mẫu hệ, vị trí của người đàn ông không được coi trọng, người đàn bà đảm nhiệm hết mọi quyền lực trong gia đình. Bên trên gia đình là dòng họ, đương nhiên, vị trí tộc trưởng cũng là vị trí dành cho đàn bà. Tộc trưởng đồng thời là chủ đất (3). Ngoài xã hội, về hình thức, các vị trí chủ yếu như (chủ làng), hoặc là chủ bến nước cũng vậy, do người đàn ông đảm nhiệm. Nếu như chẳng may người đàn ông là tù trưởng bị chết, thì quyền lực này được trao cho anh em trai hoặc cháu trai của người đàn ông đó, đến kế thừa. Nhưng nếu như xem xét bản chất của vấn đề, thì những quyền lực mà người đàn ông đảm nhiệm ngoài xã hội thực chất cũng là quyền lực của người đàn bà. Quyền lực ấy chỉ được thể hiện thông qua người đàn ông mà thôi. Như đã nói, nếu như một tù trưởng chết đi, thì anh em trai, hoặc cháu trai của anh ta lấy vợ của anh ta mới tiếp tục trở thành tù trưởng. Trong trường hợp phía nhà trai không còn người đàn bà góa có quyền cưới chồng khác dĩ nhiên người chồng mới này sẽ trở thành tù trưởng.

Vậy là trong mối quan hệ về gia đình và xã hội của người Êđê nói riêng, và của các tộc người khác theo quan hệ mẫu hệ nói chung ở Tây Nguyên, *người đàn ông chỉ có quyền khi anh ta đóng vai trò là ông cậu trong nhà mẹ mình, và khi anh ta thay mặt vợ để đảm đương các trách nhiệm của xã hội lúc anh ta ở nhà vợ*. Ngoài hai vị trí trên đây, vai trò của người đàn ông luôn luôn bị xem nhẹ. Chẳng may vợ anh ta bị chết, họ nhà vợ lại không còn ai để nói nôi với anh ta, thì anh ta phải trở về ở với chị em gái của mình, còn co cái của anh ta thì ở lại với chị em nhà vợ, chẳng có ràng buộc gì với anh ta cả.

3. Nhìn chung lại:

Trong phạm vi hạn hẹp của vấn đề thiết chế mẫu hệ ở Tây Nguyên, dưới góc độ xã hội học tộc người, hiện tại nổi lên vấn đề.

Một là cách biểu thị thái độ đối với tập tục *nói nôi*.

¹ Về trường hợp này, cũng như một trường hợp khác, cũng của người Êđê ở tây Bình Thuận, bạn đồng nghiệp của chúng tôi - nhà Folklore học trẻ tuổi Võ Đại Lương - có trong tay những monographic hoàn chỉnh về nghi lễ xin thôi *Juênué* rất lý thú.

² Klô là một loại ghế dành riêng cho tù trưởng.

³ Chủ đất (Pôlă). Đây là một chế độ sở hữu thô sơ về đất đai. Người Pôlă phải thuộc hết các đặc điểm vùng đất thuộc quyền sở hữu của cộng đồng người Pôlă đại diện. Cứ 7 năm một lần Pôlă đi thăm đất, thu công nạp về để cúng cho đất “tươi mát”. Pôlă được kế thừa theo dòng nữ, đây là một chế độ sở hữu tập thể.

Chưa nên vội kết luận về tập tục này, về các đối tượng nói nòi tự nguyện hay là do bị ràng buộc, mà chỉ nói theo tinh thần của luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì rõ ràng tập tục này không phù hợp nữa. Xã hội ngày nay không thể chấp nhận tình trạng ông lấy cháu hoặc bà lấy cháu và các tập tục xung quanh vấn đề đó.

Hai là, cần tạo ra một môi trường xã hội mới để giải phóng người đàn ông.

Trong thiết chế mẫu hệ, người đàn ông có vị trí rất thấp kém trong đời sống xã hội. Trong lĩnh vực tổ chức sản xuất, người đàn ông thường ở vị trí thụ động. Mà trong bất kỳ xã hội nào cũng vậy, muốn cho sản xuất phát triển, không nên xem nhẹ sức sản xuất của người đàn ông, đặc biệt là tính chủ động của họ trong việc tổ chức sản xuất.

Cũng cần phải nói thêm, trên bình diện thực tiễn, trong phạm vi vấn đề gia đình của các tộc người Tây Nguyên, nếu mới chỉ đề cập đến quan hệ gia đình của các tộc người bản địa, thì hẳn là còn phiến diện. Bởi lẽ, hiện tại trên địa bàn này đang xảy ra sự tiếp xúc giữa hai bộ phận cư dân, một bộ phận cư dân các tộc người có gốc gác lâu đời ở đây và một bộ phận khác mới từ đồng bằng lên. Hai bộ phận cư dân này có hai nếp sống khác nhau, có hai kiểu tổ chức gia đình khác nhau. Một kiểu nhà gần với chế độ gia đình hạt nhân, là sản phẩm tất yếu được sinh ra từ một nền nông nghiệp lúa nước tiểu nông, có nguồn gốc ở cùng đồng bằng, một kiểu là nhà dài với chế độ gia đình lớn, là sản phẩm tất yếu được nảy sinh ra từ một nền nông nghiệp lúa khô thô sơ, quảng canh. Sự tiếp xúc trên đây, đã tạo nên những sự xáo trộn lớn, cần kịp thời nghiên cứu, để có chính sách phù hợp.

Cuối cùng, cũng cần phải nhấn mạnh, ở Tây Nguyên, tài liệu về thiết chế mẫu hệ bằng phương pháp điều tra thực địa, còn có thể với được trong tầm tay. Đáng tiếc là trong thời gian qua, ngành xã hội học tộc người và dân tộc học Việt Nam có nhiều khó khăn do đó vấn đề đang bàn chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống và có định hướng. Trong khi đó, trên thế giới - như Condominas đã nhận xét: "Trong nhiều thập kỷ, chế độ mẫu hệ được xác nhận ở thượng Miến Điện, ở Việt Nam và ở Sumatra, đã thực sự ám ảnh các nhà dân tộc học làm việc ở Đông Nam Á, đến mức muốn tìm cho được - bằng mọi giá, dấu vết của chế độ mẫu quyền" (1).

¹ Xem: Condominas trong Ethnologie Regionale Asie du Sud - Est, phần Ethnologie Regionale II, Paris, 1983, trang 236.